TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2018
V/V tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Trần Văn Tám** - Cán bộ hưu trí xã Long Khánh.
2. Ông **Võ Thanh Hải** – Hiệu trưởng trường trung học cơ sở Võ Việt Tân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Quang Minh** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Ngọc H**, sinh năm 1970. (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp Quý Chánh, xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1969. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Ngọc H trình bày:* Do quen biết trước chị H và anh Lê Văn T tự về sống chung với nhau từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống hạnh phúc đến giữa năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hạp tánh tình, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2010 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu xin được ly hôn với anh T, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Lê Kiều L, sinh ngày 29/6/1994 và Phạm Lê Trường C, sinh ngày 15/9/21997. Về con chung hiện đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, nên không đặt ra yêu cầu để giải quyết.

- Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Lê Văn T dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Việc vắng mặt bị đơn anh Lê Văn T. Xét thấy, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn anh T.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

- *Về yêu cầu của nguyên đơn:* Yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Văn T. Xét thấy, do quen biết chị H và anh T tự về sống chung với nhau từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống hạnh phúc đến giữa năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hạp tánh tình, từ đó dẫn đến cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2010 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, nên đòan tụ lại sống không hạnh phúc. Phía anh T vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án. Tuy nhiên, do quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T được xác lập vào năm 1991 cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Ngọc H và anh Lê Văn T.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Phạm Lê Kiều L, sinh ngày 29/6/1994 và Phạm Lê Trường C, sinh ngày 15/9/21997. Về con chung hiện đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, chị H không đặt ra yêu cầu để giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Theo chị H để vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu giải quyết. Anh T thì vắng mặt tại phiên Tòa, không gởi ý kiến cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này giữa anh T và chị H không thỏa thuận được với nhau mà có xảy ra tranh chấp thì anh T, chị H được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

- *Về nợ chung*: Theo chị H khai không có.

- *Về án phí:* Chị Phạm Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí .

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Ngọc H và anh Lê Văn T.

2. Về án phí: Buộc chị Phạm Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001308 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, nên chị H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Ngọc H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Lê Văn T thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Nhị Quý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Phan Thanh Sơn